

ĐIỂM THI TUYỂN SINH CAO HỌC KHÓA 30 NĂM 2025 (ĐỢT 1)

Số TT	Họ và tên		SBD	Ngày sinh	Giới tính	Sinh lý TDDT	Lý luận và PP TDDT
1	Đinh Văn Tuấn	Anh	001	15/10/2001	Nam	8.0	7.5
2	Nguyễn Minh	Anh	002	26/01/2003	Nam	8.5	8.0
3	Nguyễn Thành	Bảo	003	10/01/1997	Nam	8.5	8.0
4	Ngô Văn	Bé	004	18/02/1989	Nam	8.5	8.0
5	Nguyễn Sơn	Bình	005	26/01/2000	Nam	8.5	7.5
6	Nguyễn Thanh	Bình	006	11/7/2000	Nam	7.5	7.0
7	Phan Trọng	Bình	007	19/9/1990	Nam	8.5	6.5
8	Nguyễn Chí	Công	008	20/4/1980	Nam	9.0	9.0
9	Nguyễn Xuân	Cường	009	04/4/0990	Nam	9.0	8.5
10	Trịnh Hải	Đảng	010	30/8/2003	Nam	7.5	8.0
11	Phạm Nhật	Duy	011	05/04/2002	Nam	8.5	8.5
12	Lê Thanh	Hà	012	03/05/1981	Nam	8.5	8.0
13	Nguyễn Thành	Hải	013	06/11/1994	Nam	6.5	8.5
14	Nguyễn Huỳnh Gia	Hân	014	20/6/2003	Nữ	8.5	8.0
15	Huỳnh Ngọc	Hảo	015	04/01/2000	Nam	8.0	7.0
16	Nguyễn Trọng	Hiếu	016	20/01/2002	Nam	8.0	7.0
17	Phạm Thị	Hoa	017	01/10/2002	Nữ	8.5	8.5
18	Cáp Văn	Hoàn	018	04/12/2002	Nam	9.0	7.5
19	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	019	15/3/2002	Nam	6.0	6.5
20	Nguyễn Quốc	Hoàng	020	11/10/1996	Nam	7.0	7.0
21	Đoàn Quang	Huy	021	27/9/2002	Nam	8.0	8.5
22	Nguyễn Văn	Huy	022	08/06/1996	Nam	8.0	7.5
23	Tô Thành	Kha	023	20/02/2000	Nam	7.0	6.5
24	Bùi Văn	Khỏe	024	01/04/2000	Nam	6.0	6.5
25	Nguyễn Hữu	Khôi	025	23/7/1991	Nam	8.5	9.0
26	Trương Hồng	Kiệt	026	21/12/1978	Nam	8.5	6.0
27	Đặng Thị Mỹ	Linh	027	28/6/2001	Nữ	9.0	9.0
28	Lương Kim	Loan	028	19/10/1989	Nữ	9.0	9.0
29	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	029	17/5/1997	Nữ	8.0	8.0
30	Nguyễn Công	Minh	030	08/11/2003	Nam	8.5	8.5
31	Huỳnh Thị Thúy	Nga	031	22/01/2001	Nữ	8.0	8.0

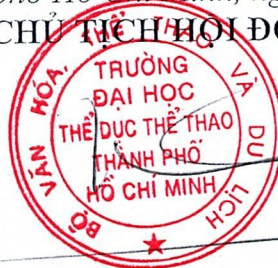


32	Trần Thị	Nga	032	20/02/1989	Nữ	9.0	9.0
33	Võ Hoàng	Nhất	033	02/9/2002	Nam	8.0	8.0
34	Đinh Văn Tuấn	Nhật	034	20/3/2003	Nam	8.0	7.5
35	Nguyễn Huỳnh Minh	Nhật	035	19/6/2001	Nam	8.0	8.0
36	Trần Thị Hằng	Ni	036	18/9/2001	Nữ	8.0	8.5
37	Nròng	Noel	037	19/5/1996	Nam	8.5	8.5
38	Nguyễn Văn	Phú	038	03/05/1989	Nam	8.5	9.0
39	Đoàn Thị Kim	Phụng	039	10/7/1986	Nữ	9.0	9.0
40	Nguyễn Thanh	Phương	040	06/6/1987	Nam	8.5	9.0
41	Tổng Thị Hồng	Phương	041	25/10/1982	Nữ	8.5	9.0
42	Phạm Yến	Quỳnh	042	29/8/1990	Nữ	9.0	8.0
43	Hoàng Thái	Son	043	06/09/2001	Nam	8.0	8.0
44	Nguyễn Thị	Sương	044	01/06/1991	Nữ	9.0	8.0
45	Lê Tấn	Thanh	045	01/01/2003	Nam	Vắng thi	Vắng thi
46	Đinh Thị Xuân	Thảo	046	16/12/1986	Nữ	9.0	8.5
47	Đặng Ích	Thìn	047	29/02/1988	Nam	8.5	8.5
48	Nguyễn Thị Mỹ	Thu	048	12/4/1990	Nữ	8.0	8.5
49	Mai Thị	Thủy	049	16/10/1986	Nữ	9.0	8.5
50	Trần Nguyễn Hải	Triều	050	11/7/1997	Nam	8.0	8.5
51	Thông Nguyên	Trường	051	01/01/2000	Nam	8.0	8.5
52	Nguyễn Đức Vinh	Tú	052	24/5/1997	Nữ	5.5	7.0
53	Vũ Mạnh	Tuấn	053	22/12/2003	Nam	8.0	7.5
54	Nguyễn Văn	Tường	054	11/02/1980	Nam	8.5	9.0
55	Trần Lê Quốc	Việt	055	22/5/2003	Nam	8.0	7.5
56	Đinh Hà Hải	Yến	056	18/8/1984	Nữ	9.0	9.0

(Tổng số 56 thí sinh)./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
TS. Võ Quốc Thắng